

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2019/HNGĐ-ST  
Ngày 10-4-2019  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi  
con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Vinh*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Tâm

- Bà Tạ Thị Thủy

***-Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Việt Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên toà:***  
Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về “ly hôn và tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; trú tại: Xóm 7, Q K, xã V P, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Có đơn xin xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Lương Văn T1; ĐKKHKT: Xã G B, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lương Văn T1 kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày 12-02-2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là

do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ cuối năm 2001 đến nay, không quan tâm đến nhau. Do vi phạm pháp luật nên hiện nay anh Lương Văn T1 đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Huyền Trang, sinh ngày 15-12-2001. Trường hợp ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh T1.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lương Văn T1 xác nhận về thời gian, hoàn cảnh và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2001 đến nay, không quan tâm đến nhau. Do vi phạm pháp luật nên hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Nay chị T xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận về con chung như chị T trình bày là đúng. Trường hợp ly hôn anh đề nghị giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh xin tự giải quyết với chị T.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lương Văn T1. Về con chung: Giao con chung Lương Huyền Trang, sinh ngày 15-12-2001 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi

hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự giải quyết. Tài sản chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lương Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã G B, huyện V B, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn T1 đều có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn T1.

[2]. Về quan hệ vợ chồng: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn T1 phát sinh từ ngày 12-02-2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thấy vợ chồng có mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2001 không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó có căn cứ để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lương Văn T1 theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Huyền Trang, sinh ngày 15-12-2001. Ly hôn hai bên cùng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tòa xét, do hiện nay anh T1 đang phải thi hành án phạt tù nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết về con của chị T. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình,

Căn cứ Điều 147, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lương Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Huyền Trang, sinh ngày 15-12-2001 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết, không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh T1 không có, không xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại Biên lai thu số 1238 ngày 03-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Văn Vinh**